

Số: 228/BC-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Tháng 10/2023)

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết là Đề án 06) tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 về Kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp ngày 10/02/2023 về tình hình triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023; Văn bản số 209/TCTTKĐA ngày 01/02/2023 của Tổ công tác triển khai Đề án 06 Trung ương về việc xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2023 của các bộ, ngành, địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 trong tháng 10 năm 2023 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Tiếp tục bám sát chỉ đạo của Chính phủ; bộ, ngành Trung ương nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ Đề án tại địa phương, trong đó rà soát các nhiệm vụ chậm tiến độ theo đánh giá của Bộ Công an tại Phụ lục kèm theo Công văn số 7323/VPCP-KSTT ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ (có Phụ lục gửi kèm).

2. Tổ công tác Đề án 06 tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh đạt chất lượng, hiệu quả⁽¹⁾.

3. Ngày 06/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh đã chủ trì Hội nghị giao

⁽¹⁾ Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 15/9/2023 về thu thập thông tin về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Văn bản số 4897/UBND-NC ngày 04/10/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 144/CP và Công văn số 7323/VPCP-KSTT; Văn bản số 5085/UBND-THCBKS ngày 12/10/2023 về triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Hội nghị trực tuyến ngày 11/10/2023...

ban đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06 và Quyết định số 766 của Thủ tướng Chính phủ trong 9 tháng đầu năm 2023 tại địa phương. Thông qua Hội nghị đã đánh giá khách quan kết quả đạt được; nhận định những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế, nguyên nhân đồng thời đề ra phương hướng, biện pháp nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập thành phần dự Hội nghị tập huấn do Văn phòng Chính phủ tổ chức ngày 11/10/2023 đối với Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ, Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời giao Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, kiểm tra, đồng bộ 100% các TTHC với Cổng DVC quốc gia; ban hành Văn bản số 1427/STTTT-CNTT&BCVT ngày 16/10/2023 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các giải pháp nâng cao điểm số tiêu chí DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa kết quả TTHC tỉnh Tuyên Quang.

5. Ngày 13/10/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 233/KH-UBND về việc triển khai thực hiện 42/43 mô hình điểm, giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư; trong đó giao nhiệm vụ, chỉ đạo các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức tham mưu triển khai ngay đối với các mô hình có thể thực hiện trên địa bàn tỉnh nhằm ứng dụng dữ liệu dân cư, thẻ CCCD gắn chip, định danh và xác thực điện tử phục vụ có hiệu quả 5 nhóm tiện ích Đề án.

6. Tổ công tác triển khai Đề án 06 cấp tỉnh, cấp huyện tiếp tục duy trì chế độ giao ban định kỳ hàng tháng nhằm đánh giá những kết quả đã thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, kiểm đếm những nội dung còn chậm tiến độ hoặc chưa hoàn thành theo kế hoạch đề ra; trên cơ sở đó định hướng và có chỉ đạo nhằm khắc phục khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì phát sóng các mục và chuyên mục tuyên truyền về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh bằng 05 thứ tiếng Việt, Tày, Dao, Cao Lan, Mông trên sóng phát thanh, truyền hình và Trang Thông tin điện tử tổng hợp. Báo Tuyên Quang xây dựng các bài viết, tập trung tuyên truyền các nội dung trọng tâm về Đề án 06.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tích cực tuyên truyền dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, trong đó tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đến các tầng lớp Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đang đóng quân trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án 06⁽²⁾.

⁽²⁾ Các hình thức: (1) Các cơ quan Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, sản phẩm truyền thông; (2) Đẩy mạnh tuyên truyền qua Cổng thông tin điện tử và các Trang Fanpage trên mạng xã hội như Facebook, Zalo... của cơ quan, đơn vị, địa phương; (3) Thông qua hoạt động, công tác chuyên môn tại địa bàn cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức và CBCS lực lượng vũ trang; (4) Thông qua các cuộc họp, các buổi giao ban, hội nghị, sinh hoạt chuyên đề của cơ quan, đơn vị, địa phương; (5) Lồng ghép tuyên truyền tại các hoạt động, sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội thu hút đông đảo người dân tham gia tại địa phương...

3. Ngày 06/10/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chương trình hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023, qua đó đã thông tin rộng khắp thông điệp Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 (*Khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị*) trên Cổng thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội; treo băng rôn, khẩu hiệu tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức các hoạt động thiết thực chào mừng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia...

III. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

1. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục tham mưu xây dựng các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tham mưu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách miễn giảm phí, lệ phí sử dụng DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến, để trình HĐND tỉnh ban hành theo quy định; dự kiến sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong Quý IV năm 2024.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị công bố và cập nhật, công khai các thủ tục hành chính (TTHC) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đồng thời hoàn thành việc tái cấu trúc, quy trình nghiệp vụ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC, phê duyệt phương án cắt giảm các TTHC, giấy tờ có liên quan của đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 26/26 cơ quan, đơn vị (đạt 100%). Thông qua Phương án rà soát, cắt giảm yêu cầu, điều kiện, thành phần hồ sơ và giảm thời gian giải quyết của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đã góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian cho cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân (Văn bản số 2480/UBND-THCBKS ngày 09/6/2023). Kết quả toàn tỉnh đạt **21%**.

4. Hệ thống đáp ứng được việc lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Sở/ngành tự cấu hình động e-form theo biểu mẫu của giấy tờ theo từng đơn vị. Hiện tại, có **388** TTHC đã được đơn giản hóa thông tin, tự động điền thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào biểu mẫu, đạt tỷ lệ **21,6%** trên tổng số dịch vụ công trực tuyến (*1.842 TTHC*).

IV. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC DỊCH VỤ CÔNG (DVC) TRỰC TUYẾN

1. Tình hình chung về DVC trực tuyến của tỉnh

Kết quả thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang, đến thời điểm hiện tại, tỉnh cung cấp **1.848** thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, số DVCTT một phần: **686** dịch vụ, đạt 37,1%; DVCTT toàn trình: **1.094** dịch vụ, đạt 59,2%; Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: **68** dịch vụ; đạt 3,7%. Đến thời điểm hiện tại, có **33.818** tài khoản của người dân, doanh nghiệp đã đăng ký sử dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

2. Việc tổ chức thực hiện 25 DVC thiết yếu (có Phụ lục 2 gửi kèm).

- Căn cứ vào tiến độ triển khai, chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương; các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện cung cấp các DVC thiết yếu thuộc lĩnh vực chuyên ngành theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, việc triển khai 25 DVC thiết yếu đã cơ bản đi vào nền nếp.

- Tiếp nhận 23.100 hồ sơ DVC trực tuyến trên tổng số 24.064 hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (tỷ lệ 96%); nhiều DVC có tổng số hồ sơ trực tuyến đạt tỷ lệ cao thuộc thẩm quyền ngành Công an, Tư pháp, Điện lực, Tài nguyên và Môi trường, Thuế, Bảo hiểm xã hội... tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thực hiện TTHC, giao dịch dân sự. Tính đến nay, toàn tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết 3.270 hồ sơ đối với 02 nhóm DVC liên thông: ⁽¹⁾ “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi”: 2.898 hồ sơ; ⁽²⁾ “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí”: 372 hồ sơ.

- Tiếp tục liên thông dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe phục vụ triển khai thực hiện DVC “Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe trực tuyến”; giấy chứng sinh, giấy báo tử điện tử phục vụ triển khai thực hiện 02 DVC liên thông trên Công giám định BHYT. Kết quả đã có 4.304 Giấy chứng sinh điện tử được cấp thuộc 15 đơn vị cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT; 4.445 Giấy khám sức khỏe điện tử được cấp thuộc 10 đơn vị; Giấy báo tử điện tử: 18 giấy báo tử phát sinh thuộc 02 đơn vị.

3. Tình hình triển khai các DVC theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ (có Phụ lục 3 gửi kèm).

- Căn cứ vào chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và bộ, ngành Trung ương; các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã triển khai thực hiện nghiêm túc các DVC trực tuyến theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, có 21/28 DVC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương; trong đó 13/21 DVC đã kết nối với cổng DVC quốc gia; đã tiếp nhận **2.479/2.512 = 98,69%**⁽³⁾.

- Đến nay, một số DVC nằm trong danh mục kèm theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 đã đủ điều kiện để thực hiện và có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao như: “Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện)”;

⁽³⁾ Gồm: (1) Xác nhận thông tin về cư trú; (2) Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện); (3) Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế; (4) Thăm viếng mộ liệt sĩ (cấp giấy giới thiệu và thực hiện chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ); (5) Liên thông nhóm thủ tục đăng ký, thành lập hộ kinh doanh và đăng ký thuế; (6) Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất...

Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế; “Xác nhận thông tin nơi cư trú”...

- Thực hiện Quyết định số 802/QĐ-TCTHADS ngày 14/8/2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp về triển khai thí điểm DVC trực tuyến thu, nộp, tạm ứng án phí, lệ phí tòa án trên Cổng DVC Quốc gia; Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang đã chỉ đạo triển khai thực hiện thí điểm trên địa bàn tỉnh; yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, TP Tuyên Quang quán triệt, triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức của đơn vị và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quyết định số 697/QĐ-TCTHADS ngày 17/7/2023 về ban hành quy trình tạm thời thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án trên Cổng DVC Quốc gia.

4. Công tác số hóa

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã đảm bảo về chức năng để thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Đến thời điểm hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông đang chủ trì xây dựng Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang; Xây dựng Phần mềm số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang (đang trong quá trình thực hiện hợp đồng).

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ; thường xuyên rà soát, xác định các thành phần hồ sơ phải số hóa bắt buộc theo quy định tại văn bản QPPL chuyên ngành; tiếp tục số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp, gắn trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục cho người dân, doanh nghiệp.

V. NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Toàn tỉnh hiện có 167/167 cơ sở khám chữa bệnh đã được trang bị đầu đọc thẻ để triển khai sử dụng CCCD gắn chip phục vụ khám chữa bệnh BHYT, đạt tỷ lệ 100%. Trong kỳ báo cáo, số lượt tra cứu bằng CCCD gắn chip để khám chữa bệnh BHYT thành công đạt 413.924/486.960 (đạt 85%).

2. Bên cạnh đó Công an tỉnh tiếp tục chủ trì hướng dẫn các cơ sở lưu trú thực hiện khai báo lưu trú qua Phần mềm quản lý cơ sở lưu trú ASM của Bộ Công an (*hiện đã có 340 cơ sở lưu trú trên địa bàn được cấp tài khoản*). Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 14/10/2023, đã tiếp nhận **8.545** trường hợp khai báo lưu trú tại các cơ sở KCB qua Cổng DVC, ứng dụng VNeID và phần mềm quản lý cơ sở lưu trú ASM.

3. Về thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch dân sự:

- Thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

chủ trì, đơn đốc lập danh sách các đối tượng đăng ký nhận trợ cấp qua tài khoản thanh toán và tiến hành chi trả cho các đối tượng trong diện chi trả từ tháng 9/2023. Kỳ chi trả tháng 10/2023, toàn tỉnh đã có 867 lượt đối tượng an sinh xã hội (*trong đó người có công: 225 người; bảo trợ xã hội: 642 người*) nhận trợ cấp không dùng tiền mặt, với tổng số tiền trên 810 triệu đồng.

- Thanh toán viện phí theo hình thức không dùng tiền mặt. Kết quả, trong tháng toàn tỉnh có 415 lượt thực hiện (*Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 316; Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen: 5; Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm: 3; Bệnh viện Y Dược Cổ truyền: 21; Trung tâm y tế huyện Yên Sơn: 21; Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa: 36; Bệnh viện Đa khoa khu vực ATK: 04; Bệnh viện Đa khoa khu vực Kim Xuyên: 02*).

- Về việc đẩy mạnh chi trả các chế độ bảo hiểm không dùng tiền mặt: Căn cứ theo Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 23/3/2023 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam giao các chỉ tiêu. Hiện nay, tỷ lệ chi trả qua phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh là:

+ Chi trả lương hưu và chế độ hàng tháng đạt 26,5%, còn phải thực hiện 4,5 % mới đạt kế hoạch BHXH Việt Nam giao (31%).

+ Chi trả trợ cấp BHXH một lần đạt 97,7%, vượt 15,7% so với kế hoạch BHXH Việt Nam giao (82%).

+ Chi trả BHTN đạt tỷ lệ 100% so với tổng số người được chi trả, vượt 2% so với chỉ tiêu BHXH Việt Nam giao (98%).

- Đến nay, toàn tỉnh có hơn 80% cơ sở giáo dục thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt, trong đó khối các trường trung học phổ thông, trung tâm GDNN-GDTX huyện, thành phố đạt 100%; khối các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt trên 53%. Thanh toán các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt khối các trường trung học phổ thông, trung tâm GDNN-GDTX huyện, thành phố đạt 100%, khối các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt trên 60%.

4. Việc kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xác thực khách hàng qua thẻ CCCD gắn chip và ứng dụng VNeID đã được một số chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện như: xác thực thông tin khách hàng qua thẻ CCCD gắn chip và ứng dụng VNeID trên nền tảng công nghệ sinh trắc học (*chi nhánh Ngân hàng BIDV*); quét QR-code trên ứng dụng riêng tự phát triển của từng hệ thống ngân hàng hoặc được cài đặt trên điện thoại thông minh của giao dịch viên (*chi nhánh ngân hàng Agribank, VCB, LPB...*).

5. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 4078/UBND-NC; trong đó chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực đẩy mạnh dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính. Chuẩn bị các nội dung, điều kiện cần thiết để tích hợp, cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh từ ngày 01/01/2024.

VI. NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ

- Tính đến nay, toàn tỉnh đã thu nhận hồ sơ đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử mức 2 và hướng dẫn công dân đăng ký tài khoản ĐDDT mức 1 với tổng số 607.932 tài khoản; trong đó đã được Bộ Công an phê duyệt tổng số 580.591 tài khoản (*mức 1 là 297.196 tài khoản, mức 2 là 293.395 tài khoản*). Hiện nay, đã kích hoạt thành công tổng số 462.304 tài khoản định danh điện tử mức 1 và mức 2 (*mức 1: 197.985 tài khoản; mức 2: 264.319 tài khoản*); thu nhận 741.019 hồ sơ cấp CCCD gắn chip điện tử.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân bảo đảm người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan hành chính nhà nước; chữ ký số công cộng cũng đã được tích hợp và cấp miễn phí cho người dân sử dụng của 02 nhà cung cấp là Vinaphone và Viettel.

VII. XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI VÀ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

1. Rà soát, kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Đến thời điểm hiện tại, tỉnh Tuyên Quang có 07/07 CSDL chuyên ngành và CSDL dùng chung được kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), gồm có: (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang; (2) Hệ thống Lý lịch tư pháp của Bộ Tư pháp; (3) Hệ thống Quản lý vận tải của Sở Giao thông vận tải; (4) Hệ thống Quản lý Hộ tịch của Bộ Tư pháp; (5) Hệ thống Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); (6) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (7) Hệ thống phần mềm Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến. Các cơ quan đang khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ tại địa phương.

Hiện nay có 13 dịch vụ dữ liệu có trên NDXP được đưa vào sử dụng chính thức của Tuyên Quang, gồm: CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); CSDL quốc gia về dân cư (Bộ Công an); CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về giá (Bộ Tài chính); CSDL đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN).

2. Rà soát, xác minh, làm sạch thông tin người tham gia BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

- Để đảm bảo 100% người tham gia kê khai số ĐDCN/CCCD và được cập nhật trong cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang tiếp tục ban hành các văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy nhanh tiến độ rà soát, xác minh, làm sạch thông tin người tham gia BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tính đến ngày 15/10/2023, số lượng người có CCCD/ĐDCN đã được cập nhật và xác thực với Bộ Công an: 722.822/730.395 người, đạt tỷ lệ 98,96% (*Hiện nay, Số người tham gia BHXH, BHYT được cập nhật số CCCD/ĐDCN và được xác thực, đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư của BHXH tỉnh Tuyên Quang cao thứ 4 toàn quốc*). Số lượng người có thông tin chưa đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: 7.573/730.395, chiếm 1,04%.

3. Làm sạch dữ liệu tiêm chủng COVID-19: Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Công an địa phương, các cơ quan chuyên môn làm sạch dữ liệu tiêm chủng COVID-19, cấp hộ chiếu vắc xin theo đúng quy định của Bộ Y tế; góp phần làm giàu kho dữ liệu dân cư. Kết quả tính đến ngày 15/10/2023 tổng số mũi tiêm COVID-19: 2.129.895 mũi, trong đó số mũi tiêm đã được làm sạch là 2.094.307 mũi (*đạt tỷ lệ 98,32%*).

4. Cập nhật dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em.

- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được nhập lên hệ thống trực tuyến của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tính đến thời điểm báo cáo: 38.825 người. Số đối tượng tăng trong kỳ báo cáo 541 người, số đối tượng giảm trong kỳ báo cáo: 482 người. Số đối tượng cập nhật lên hệ thống đạt 100% đối tượng đang hưởng và được chuyển dữ liệu sang Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an để xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tính đến ngày 13/10/2023, đã cập nhật dữ liệu phần mềm trẻ em trên toàn tỉnh được 201.549/200.943 trẻ, đạt 90,59%. Cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã, phường, thị trấn tiếp tục chủ động phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh thông tin đối với trẻ em bị thiếu hoặc sai thông tin cá nhân cơ bản tại các hộ gia đình. Danh sách trẻ em sau khi đã rà soát, bổ sung, điều chỉnh được chuyển cho Công an cấp xã để thực hiện đối chiếu, xác định thông tin và cung cấp mã định danh trẻ em để cán bộ làm công tác trẻ em thực hiện cập nhật thông tin vào phần mềm. Tỷ lệ làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu đạt 73,25%.

5. Thu thập, chuẩn hóa thông tin định danh của học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị trực thuộc; phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố; trung tâm GDNN-GDTX các huyện; các trường trung học phổ thông thu thập, hoàn chỉnh các thông tin liên quan đến định danh cá nhân của học đảm bảo tính chính xác của số liệu. Kết quả tỷ lệ hồ sơ học sinh được xác thực, định danh thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là

218.527/228.602 hồ sơ (*chiếm 95,6%*); tỷ lệ hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xác thực, định danh thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 13.603/14.014 hồ sơ (*chiếm 97,1%*).

6. Chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân: Kết quả lũy kế đến tháng 10/2023 đã rà soát, chuẩn hóa 30.927/135.710 mã số thuế cần rà soát, chuẩn hóa, đạt 22.8%.

7. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức: Sở Nội vụ hoàn thành việc cập nhật mới 19.139 hồ sơ/19.139 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có (đạt 100%) và thực hiện đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ đảm bảo dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang do Tập đoàn VNPT hỗ trợ.

9. Thu thập thông tin về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh: Ngày 27/9/2023, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai và hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch thu thập thông tin về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh; đồng thời, ban hành Văn bản số 1596/SLĐTĐTBXH-LĐ ngày 03/10/2023 hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai in phiếu và tổ chức Hội nghị hướng dẫn thu thập thông tin về người lao động đến Tổ công tác Đề án 06 cấp xã.

9. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu khác ngoài lộ trình Đề án: Công an tỉnh thực hiện cập nhật dữ liệu Hội, đoàn thể trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả đã cập nhật 104.361 hội viên Hội Nông dân; 83.047 hội viên Hội Người cao tuổi; 34.483 hội viên Hội Cựu chiến binh lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10. Đảm bảo an ninh, an toàn

- Căn cứ Văn bản số 5722/TCTTKĐA ngày 10/8/2023 của Tổ công tác triển khai Đề án 06) của Chính phủ về việc một số nội dung liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu dân cư. Hiện Công an tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc đảm bảo duy trì việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu dân cư an toàn, bảo mật, đúng quy định pháp luật. Bên cạnh đó Tổ An ninh, an toàn các cấp thuộc Công an tỉnh thường xuyên kiểm tra an ninh an toàn hệ thống máy tính thuộc Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án Sản xuất, cấp và quản lý CCCD; kịp thời phát hiện, hướng dẫn và giải quyết các tình huống gây mất an toàn cho hệ thống.

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục tham mưu công tác triển khai thực hiện giám sát an ninh an toàn 4 cấp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh.

VIII. NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cổng DVC Quốc gia, Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục

vụ người dân và doanh nghiệp (*của Văn phòng Chính phủ*), Hệ thống thu thập, đánh giá mức độ truy cập sử dụng (*Hệ thống EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông*) để phục vụ việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác, kịp thời mức độ, hiệu quả tiến trình thực hiện Chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai kho dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, vốn Ngân sách tỉnh năm 2023 và năm 2024. Hiện tại Sở Thông tin và Truyền thông đã gửi Sở Tài chính thẩm định về kinh phí (*dự kiến hoàn thành năm 2023, 2024*).

- Hiện Trung tâm Giám sát điều hành thông tin (IOC) đang trong quá trình thẩm định về kinh phí, làm rõ một số hạng mục cần thuê nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra về giám sát, điều hành của lãnh đạo tỉnh, đảm bảo trong quá trình hoàn thành việc xây dựng triển khai đạt hiệu quả cao, đúng mục đích.

- Trong phạm vi chức năng và đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, Công an tỉnh phối hợp các cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu các chuyên ngành (*Y tế, Bảo hiểm xã hội, Tư pháp...*).

IX. VỀ BỐ TRÍ NGÂN SÁCH, NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

- Căn cứ Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) và các Kế hoạch về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thực hiện cho Sở Thông tin Truyền thông và các đơn vị có liên quan với tổng kinh phí **79.925.000.000** tỷ (*bảy mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi năm triệu đồng*). Đây là những nhiệm vụ mang tính chất thiết yếu, nên tăng phục vụ chuyển đổi số quốc gia theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đáp ứng các nhóm tiện ích: Phục vụ giải quyết TTHC và cung cấp DVC trực tuyến; Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; Phục vụ công dân số; Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Bên cạnh đó, tiếp tục giao Sở Tài chính phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát, báo cáo thực trạng và nhu cầu trang thiết bị đầu cuối, máy móc, thiết bị phục vụ các nhiệm vụ Đề án 06 tại trung tâm hành chính công và bộ phận một cửa các cấp để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trang cấp theo quy định.

X. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC MÔ HÌNH ĐIỂM VỀ ĐỀ ÁN 06

- Công an tỉnh chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Đoàn tham quan triển lãm các mô hình, giải pháp công nghệ gắn với Đề án 06 tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư - Bộ Công an; thành phần tham gia Đoàn công tác gồm đại diện lãnh đạo sở, ban, ngành; Tổ công tác triển khai Đề án 06 cấp huyện, cấp xã và thành phần thuộc cơ quan, đơn vị có liên quan. Trên cơ sở tham quan, học tập để nghiên cứu, đề xuất phương án triển khai hiệu quả các mô hình Đề án 06 đảm bảo đúng tiến độ, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị, địa phương.

- Ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 233/KH-UBND về việc triển khai thực hiện 42/43 mô hình điểm, giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư, trong đó giao Công an tỉnh là đầu mối liên hệ trao đổi với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ Công an đề xuất hướng dẫn các bước triển khai thực hiện đối với từng mô hình để phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch. Bên cạnh đó, tỉnh đã chủ động triển khai các mô hình, (gồm: *Triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu; Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID; Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà trọ; Nhà nghỉ; Khách sạn; Nhà khách; Nhà công vụ; Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại Cơ sở khám chữa bệnh; Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) trên toàn quốc để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho các cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống; Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID*).

XI. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt với lãnh đạo các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án 06 tại cơ quan, đơn vị, cơ sở.

- Các cơ quan, đơn vị đã bám sát chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và bộ, ngành Trung ương (ngành dọc) trong tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06, đồng thời Tổ công tác triển khai Đề án 06 các cấp duy trì hoạt động, định kỳ giao ban kiểm đếm các nhiệm vụ Đề án được giao, qua đó kịp thời khắc phục tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc để tham mưu đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo khắc phục kịp thời.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Đối với 13 nhiệm vụ (10 nhiệm vụ chung của các bộ, ngành, địa phương và 03 nhiệm vụ cụ thể của địa phương) chậm tiến độ theo đánh giá của Bộ Công an tại Phụ lục kèm theo Công văn số 7323/VPCP-KSTT ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ, hiện nay tỉnh còn 01 nhiệm vụ đang chậm tiến độ (*nhiệm vụ: trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện*); dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng xong, dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong Quý IV năm 2023.

XII. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp tục quán triệt, triển khai Nghị quyết số 90-NQ/TU ngày 29/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao nhận thức, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Đề án, từ đó tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong triển khai thực hiện, cũng như tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người thân, Nhân dân đồng thuận tham gia.

2. Tiếp tục tập trung rà soát, nhận diện, tháo gỡ các “điểm nghẽn” về thể chế, hạ tầng công nghệ thông tin, DVC, dữ liệu và nguồn lực theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023 và tiếp tục bám sát chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Công văn số 7323/VPCP-KSTT ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ.

3. Tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 13/10/2023 về triển khai thực hiện đối với 42 mô hình điểm nhằm thúc đẩy Đề án 06, đặc biệt là đối với các mô hình có thể tự thực hiện ngay tại địa phương.

4. Hoàn thành xây dựng, triển khai Trung tâm giám sát điều hành thông tin (IOC) để phục vụ triển khai các mô hình điểm Đề án 06.

5. Kịp thời công bố và chỉ đạo cập nhật, công khai các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đồng thời hoàn thành việc tái cấu trúc, quy trình nghiệp vụ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, đơn giản hóa các TTHC, giấy tờ có liên quan.

6. Tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin theo văn bản hướng dẫn 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông để bổ sung, trang bị các thiết bị đầu cuối cần thiết, đề xuất đầu tư các hạng mục theo văn bản hướng dẫn nêu trên.

7. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ an sinh xã hội; đối với thu phí, lệ phí lĩnh vực Y tế, Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục triển khai có hiệu quả đối với 02 DVC thiết yếu.

8. Hoàn thành dứt điểm việc cập nhật dữ liệu Hội, đoàn thể trên nền tảng CSDLQG về DC, hoàn thành trong tháng 11/2023 và tăng cường huy động lực lượng tổ chức thu thập, cập nhật dữ liệu người lao động, phấn đấu hoàn thành trong tháng 12/2023.

9. Tổ chức đánh giá toàn bộ các DVC trực tuyến đã được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và tích hợp trên Cổng DVC quốc gia, để lựa chọn những DVC thiết thực, tần suất sử dụng cao gắn liền nhu cầu hàng ngày của người dân, doanh nghiệp, có đầy đủ các điều kiện để cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, tiến tới cung cấp các ứng dụng (apps) TTHC để người dân, doanh nghiệp tương tác trực tuyến hiệu quả với chính quyền.

10. Tiếp tục xây dựng các biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) đối với các TTHC chưa phát sinh hồ sơ; phổ cập chữ ký số công cộng và sử dụng hiệu quả việc khai thác thông tin, dữ liệu số hóa.

11. Tiếp tục rà soát, khắc phục những hạn chế liên quan đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, đặc biệt đảm bảo cập nhật, đồng bộ trạng thái hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh lên cổng DVC quốc gia làm nguồn dữ liệu để phân tích Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm đầy đủ, chính xác, thường xuyên, liên tục.

12. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu Đề án 06 tại cơ quan, đơn vị quản lý và công tác thông tin, trao đổi, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ Đề án.

13. Tiếp tục chủ động bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương (ngành dọc) đối với kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống phần mềm chuyên ngành một số Bộ, ngành (Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để đồng bộ dữ liệu, khắc phục hạn chế trong công tác quản lý, theo dõi, thống kê và báo cáo số liệu.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; | báo cáo
- Bộ Công an;
- Cục CSQLHC về TTXH, Bộ Công an;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thành viên TCT ĐA 06 cấp tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (P.Hà).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn